

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 563/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 8 - 2025

V/v Tranh chấp ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Liên Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồi.

2. Ông Huỳnh Văn Đẹp.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 397/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Diệp Văn T, sinh năm 1975; Căn cước công dân số: 079075002282; Địa chỉ: 1 đường C, Khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1983; Căn cước công dân số: 087183015084; Địa chỉ: 5 đường N, ấp N, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là ấp N, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Diệp Văn T trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, ông Diệp Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng T1 đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49 do Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/3/2018.

Vợ chồng có thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2022 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ ngày 2023 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Diệp Văn T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng T1.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Diệp Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng T1 có 02 con chung tên Diệp Nguyễn Hồng N - sinh ngày 17/8/2004 đã trưởng thành, có khả năng lao động và Diệp Minh K – sinh ngày 04/01/2018. Sau ly hôn, ông Diệp Văn T yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Diệp Minh K – sinh ngày 04/01/2018, cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 29 tháng 7 năm 2025 của bà Nguyễn Thị Hồng T1 có nội dung: Năm 2002 bà Nguyễn Thị Hồng T1 và ông Diệp Văn T kết hôn và đã ly hôn vào năm 2007. Đến năm 2009 chúng tôi tiếp tục chung sống và đăng ký kết hôn lại vào năm 2018. Gia đình chúng tôi có cuộc sống hạnh phúc cho đến thời điểm tháng 03/2024, ông Diệp Văn T gặp lại người tình cũ nên từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống từ tháng 05/2024. Do đó, bà Nguyễn Thị Hồng T2 đồng ý ly hôn với ông Diệp Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Diệp Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng T1 có 02 con chung tên Diệp Nguyễn Hồng N - sinh ngày 17/8/2004 đã trưởng thành, có khả năng lao động và Diệp Minh K – sinh ngày 04/01/2018. Sau ly hôn, bà Nguyễn Thị Hồng T1 đồng ý giao con chung tên Diệp Minh K – sinh ngày 04/01/2018 cho ông Diệp Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ trở về chung sống với nhau nhưng chỉ có nguyên đơn ông Diệp Văn T có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, bà Nguyễn Thị Hồng T1 vắng mặt không lý do và ông Diệp Văn T có đơn yêu cầu không tiếp tục tổ chức hòa giải nên vụ kiện không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa ông Diệp Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng T1 là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn cư trú tại xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã niêm yết và tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà Nguyễn Thị Hồng T1 chỉ đến Tòa làm Bản tự khai xin vắng mặt không tham gia hòa giải và xét

xử; ông Diệp Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Diệp Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng T1 tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 49 do Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/3/2018, đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Diệp Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng T1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện ông Diệp Văn T xác định đời sống hôn nhân giữa ông Diệp Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân. Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị Hồng T1 xác định đến tháng 03/2024 ông Diệp Văn T gặp lại người tình cũ, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống từ tháng 05/2024. Từ đó, bà Nguyễn Thị Hồng T2 đồng ý ly hôn với ông Diệp Văn T.

[5] Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

[6] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, vợ chồng ông Diệp Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng T1 đã trải qua thời gian mâu thuẫn, không còn thương yêu, chăm sóc nhau; mỗi người mạnh ai nấy sống và không quan tâm đến nhau, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung, cấp dưỡng: Trong thời gian chung sống, ông Diệp Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng T1 có 02 con chung tên Diệp Nguyễn Hồng N - sinh ngày 17/8/2004 đã trưởng thành, có khả năng lao động và Diệp Minh K - sinh ngày 04/01/2018. Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Diệp Văn T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Diệp Minh K và không yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi con. Tại bản tự khai của bà Nguyễn Thị Hồng T1 xác định đồng ý giao con chung tên Diệp Minh K cho ông Diệp Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[8] Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

[9] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Diệp Văn T, giao con chung tên Diệp Minh K cho ông Diệp Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với ý kiến của bà Nguyễn Thị Hồng T1; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Nguyễn Thị Hồng T1 do ông Diệp Văn T chưa có yêu cầu.

[10] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Diệp Văn T đối với bà Nguyễn Thị Hồng T1 .

2. Về quan hệ hôn nhân: Ông Diệp Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng T1.

3. Về con chung: Ông Diệp Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng T1 có 02 con chung tên Diệp Nguyễn Hồng N - sinh ngày 17/8/2004 đã trưởng thành, có khả năng lao động và Diệp Minh K – sinh ngày 04/01/2018. Giao con chung tên Diệp Minh K cho ông Diệp Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Nguyễn Thị Hồng T1 cho đến khi ông Diệp Văn T có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không bên nào được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Diệp Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 21/11/2024, ông Diệp Văn T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007999 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp được đối trừ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV8 TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV8 - TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Bình Trị Đông, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Liên Quân